|  |  |
| --- | --- |
| **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂNTHÀNH PHỐ HẢI PHÒNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /2025/NQ-HĐND | *Hải Phòng, ngày tháng năm 2025* |

**DỰ THẢO**

**NGHỊ QUYẾT
Quy định mức hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị**

**thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật trên địa bàn thành phố Hải Phòng**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;*

*Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai ngày 19 tháng 6 năm 2013; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Phòng thủ dân sự ngày 20 tháng 6 năm 2023;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Lâm Nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017*

*Căn cứ Luật Thủy sản ngày 21 tháng 11 năm 2017;*

*Căn cứ Luật Trồng trọt ngày 19 tháng 11 năm 2018;*

*Căn cứ Luật Chăn nuôi ngày 19 tháng 11 năm 2018;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025;*

*Căn cứ Nghị định số 9/2025/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ Quy định về cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh thực vật;*

*Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;*

*Xét Tờ trình số ……../TTr-UBND ngày ……. tháng ….. năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố Quy định mức hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật trên địa bàn thành phố Hải Phòng; Báo cáo thẩm tra số ……/BC-BKTNS ngày ….. tháng ……năm ……. của Ban Kinh tế ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;*

*Hội đồng nhân dân thành phố ban hành Nghị quyết về Quy định mức hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật trên địa bàn thành phố Hải Phòng.*

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Nghị quyết này Quy định mức hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị định số 9/2025/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật, trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

2. Các nội dung không quy định tại Nghị quyết này thực hiện theo quy định tại Nghị định số 09/2025/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật và các văn bản có liên quan theo quy định hiện hành.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Cá nhân, hộ gia đình, chủ trang trại, tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xă, doanh nghiệp vừa và nhỏ, các cơ quan, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân *(không bao gồm các doanh nghiệp thuộc lực lượng vũ trang)* trên địa bàn thành phố Hải Phòng có hoạt động trồng trọt, lâm nghiệp, chăn nuôi, thủy sản *(sau đây gọi là cơ sở sản xuất)* bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật.

**Điều 3. Mức hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật**

1. Mức hỗ trợ đối với cây trồng bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật

a) Diện tích lúa:

Sau gieo trồng từ 01 đến 10 ngày: thiệt hại trên 70% diện tích, hỗ trợ 9.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích, hỗ trợ 4.500.000 đồng/ha;

Sau gieo trồng từ trên 10 ngày đến 45 ngày: thiệt hại trên 70% diện tích, hỗ trợ 12.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích, hỗ trợ 6.000.000 đồng/ha;

Sau gieo trồng trên 45 ngày: thiệt hại trên 70% diện tích, hỗ trợ 15.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích, hỗ trợ 7.500.000 đồng/ha.

b) Diện tích mạ:

- Lúa thuần: Thiệt hại trên 70% diện tích, hỗ trợ 30.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích, hỗ trợ 15.000.000 đồng/ha.

- Lúa lai: Thiệt hại trên 70% diện tích, hỗ trợ 45.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích, hỗ trợ 22.500.000 đồng/ha.

c) Diện tích cây hằng năm khác:

Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng): thiệt hại trên 70% diện tích, hỗ trợ 9.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích, hỗ trợ 4.500.000 đồng/ha;

Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng): thiệt hại trên 70% diện tích, hỗ trợ 15.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích, hỗ trợ 7.500.000 đồng/ha;

Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng): thiệt hại trên 70% diện tích, hỗ trợ 22.500.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích, hỗ trợ 11.000.000 đồng/ha.

d) Diện tích cây trồng lâu năm:

Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản: thiệt hại trên 70% diện tích, hỗ trợ 18.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích, hỗ trợ 9.000.000 đồng/ha;

Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết: thiệt hại trên 70% diện tích, hỗ trợ 30.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích, hỗ trợ 15.000.000 đồng/ha;

Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm cây chết hoặc được đánh giá là cây không có khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống: thiệt hại trên 70% diện tích, hỗ trợ 45.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích, hỗ trợ 22.500.000 đồng/ha;

Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng: thiệt hại trên 70% diện tích, hỗ trợ 90.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích, hỗ trợ 45.000.000 đồng/ha.

2. Mức hỗ trợ đối với lâm nghiệp bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật

a) Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác: thiệt hại trên 70%, hỗ trợ 12.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% đến 70%, hỗ trợ 6.000.000 đồng/ha.

b) Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03 năm tuổi: thiệt hại trên 70%, hỗ trợ 22.500.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% đến 70%, hỗ trợ 11.250.000 đồng/ha.

c) Diện tích vườn giống, rừng giống: thiệt hại trên 70%, hỗ trợ 30.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% đến 70%, hỗ trợ 15.000.000 đồng/ha.

d) Diện tích cây giống được ươm trong giai đoạn vườn ươm:

Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi: thiệt hại trên 70%, hỗ trợ 60.000.000 đồng/ha, thiệt hại từ 30% đến 70%, hỗ trợ 30.000.000 đồng/ha.

Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi: thiệt hại trên 70%, hỗ trợ 90.000.000 đồng/ha, thiệt hại từ 30% đến 70%, hỗ trợ 45.000.000 đồng/ha.

3. Mức hỗ trợ đối với thủy sản bị thiệt hại do thiên tai (bao gồm nuôi trồng thuỷ sản, sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản)

a) Diện tích nuôi bán thâm canh cá rô phi, cá rô đồng, cá truyền thống, ốc nhồi; nuôi thâm canh, bán thâm canh ếch trong ao (đầm/hầm) bị thiệt hại: Hỗ trợ 60.000.000 đồng/ha diện tích nuôi bị thiệt hại.

b) Diện tích nuôi thâm canh cá rô phi, cá rô đồng, cá chuối, cá trê vàng, cá truyền thống, ốc nhồi; nuôi bán thâm canh cá tra, các loài thủy đặc sản, có giá trị kinh tế cao như: cua biển, cá song, cá vược, cá chim vây vàng, cá đối, cá bống bớp, cá dìa, cá nâu, cá lăng, cá chình, cá trắm đen, tôm càng xanh, ba ba; nuôi thâm canh, bán thâm canh cua đồng, lươn, chạch trong ao (đầm/hầm) bị thiệt hại: Hỗ trợ 70.000.000 đồng/ha diện tích nuôi bị thiệt hại.

c) Diện tích nuôi thâm canh cá tra, các loài thủy đặc sản, có giá trị kinh tế cao: cua biển, cá song, cá vược, cá chim vây vàng, cá đối, cá bống bớp, cá dìa, cá nâu, cá lăng, cá chình, cá trắm đen, tôm càng xanh, ba ba; nuôi thâm canh, bán thâm canh tôm sú trong ao (đầm/hầm) bị thiệt hại: Hỗ trợ 80.000.000 đồng/ha diện tích nuôi bị thiệt hại.

d) Diện tích nuôi thâm canh, bán thâm canh tôm thẻ chân trắng trong ao (đầm/hầm) bị thiệt hại: Hỗ trợ 90.000.000 đồng/ha diện tích nuôi bị thiệt hại.

đ) Thể tích nuôi trong bể, lồng, bè các đối tượng nuôi trong nước ngọt bị thiệt hại: Hỗ trợ 35.000.000 đồng/100 m3 thể tích nuôi bị thiệt hại.

e) Thể tích nuôi trong bể, lồng, bè các đối tượng nuôi đối tượng nuôi trong nước lợ, mặn bị thiệt hại: Hỗ trợ 45.000.000 đồng/100 m3 thể tích nuôi bị thiệt hại.

f) Diện tích nuôi trong hoạt động sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản trong ao (đầm) bị thiệt hại: Hỗ trợ 70.000.000 đồng/ha diện tích sản xuất giống bị thiệt hại.

g) Thể tích nuôi bị thiệt hại trong hoạt động sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản trong bể: Hỗ trợ 35.000.000 đồng/100 m3 thể tích sản xuất giống bị thiệt hại.

h) Diện tích nuôi nhuyễn thể bãi triều bị thiệt hại: Hỗ trợ 40.000.000 đồng/ha diện tích nuôi bị thiệt hại.

i) Diện tích nuôi giàn bè bị thiệt hại: Hỗ trợ 40.000.000 đồng/1000 m2 diện tích nuôi bị thiệt hại.

k) Diện tích nuôi trong ao (đầm/hầm) bao gồm: nuôi rươi; nuôi thủy sản kết hợp với lúa; nuôi tôm, nuôi cá, nuôi các đối tượng khác quảng canh, quảng canh cải tiến bị thiệt hại: Hỗ trợ 22.500.000 đồng/ha diện tích nuôi bị thiệt hại.

4. Mức hỗ trợ đối với vật nuôi bị thiệt hại (chết, mất tích) do thiên tai

a) Gia cầm (gà, vịt, ngan, ngỗng, bồ câu):

- Gia cầm từ 01 ngày tuổi đến 28 ngày tuổi: Hỗ trợ 45.000 đồng/con.

- Gia cầm trên 28 ngày tuổi đến: Hỗ trợ 67.500 đồng/con.

b) Chim cút:

- Chim cút từ 01 ngày tuổi đến 28 ngày tuổi: Hỗ trợ 7.500 đồng/con.

- Chim cút trên 28 ngày tuổi: Hỗ trợ 15.000 đồng/con.

c) Lợn:

- Lợn từ 01 ngày tuổi đến 28 ngày tuổi: Hỗ trợ 900.000 đồng/con.

- Lợn từ trên 28 ngày tuổi: Hỗ trợ 2.250.000 đồng/con.

- Lợn nái và lợn đực đang khai thác: Hỗ trợ 4.500.000 đồng/con

d) Bê cái hướng sữa, bò sữa

- Bê cái hướng sữa đến 06 tháng tuổi: hỗ trợ 6.000.000 đồng/con.

- Bò sữa trên 06 tháng tuổi: Hỗ trợ 18.000.000 đồng/con.

đ) Trâu, bò thịt, ngựa

- Trâu, bò thịt, ngựa đến 06 tháng tuổi: Hỗ trợ 4.500.000 đồng/con.

- Trâu, bò thịt, ngựa trên 06 tháng tuổi: Hỗ trợ 10.500.000 đồng/con.

e) Hươu sao, cừu, dê, đà điểu: Hỗ trợ 3.750.000 đồng/con.

f) Thỏ

- Thỏ đến 28 ngày tuổi: Hỗ trợ 75.000 đồng/con.

- Thỏ trên 28 ngày tuổi: Hỗ trợ 105.000 đồng/con.

g) Ong mật: Hỗ trợ 750.000 đồng/đàn.

5. Mức hỗ trợ đối với sản xuất muối bị thiệt hại do thiên tai (bao gồm diện tích đang sản xuất hoặc diện tích có muối đã được tập kết trên ruộng)

Diện tích sản xuất muối: thiệt hại trên 70%, hỗ trợ 6.000.000 đồng/ha; thiệt hại từ 30% đến 70%, hỗ trợ 4.500.000 đồng/ha.

6. Trường hợp hỗ trợ bằng giống cây, con, hiện vật, mức hỗ trợ được quy đổi tương đương hỗ trợ bằng tiền theo giá tại thời điểm hỗ trợ.

7. Hỗ trợ đối với doanh nghiệp vừa và nhỏ theo mức hỗ trợ quy định tại Nghị quyết này.

**Điều 4. Nguồn kinh phí thực hiện**

1. Ngân sách trung ương hỗ trợ.

2. Ngân sách địa phương.

3. Quỹ phòng, chống thiên tai và các nguồn tài chính hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

**Điều 5. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

2. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 03/2025/NĐ-CP ngày 20 tháng 02 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương (cũ) Quy định mức hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

3. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, các ban Hội đồng nhân dân thành phố, các tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng khóa ......, kỳ họp thứ ...... thông qua ngày / /2025./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Ủy ban TVQH;- Chính phủ;- VP QH, Ban Công tác ĐB;- VP Chính phủ;- Bộ NN&MT;- Cục KTVB và QLXLVPHC (Bộ Tư pháp);- TTTU, TT HĐND, UBND TP;- ĐBQH tại HP;- UB MTTQVN TP;- Các Ban HĐND TP;- ĐB HĐND TP Khóa XVI;- Sở Tư pháp;- Các sở, ban, ngành, đoàn thể TP;- Các VP: TU, Đoàn ĐBQH, HĐND TP, UBND TP;- QU, HU, HĐND, UBND các quận, huyện;- Trung tâm Báo chí - Truyền thông HP;- Cổng thông tin điện tử thành phố;- Công báo TP (để đăng);- Lưu: VT, Hồ sơ kỳ họp. | **CHỦ TỊCH****Lê Văn Hiệu** |